

THÔNG TƯ

Quy định trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Đơn vị phân phối điện.
- Đơn vị bán lẻ điện.
- Khách hàng sử dụng điện.
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia.
- Tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Bên bán điện là đơn vị bán điện cho bên mua điện được quy định tại khoản 2 Điều này.

2. *Bên mua điện* bao gồm: Đơn vị bán lẻ điện và Khách hàng sử dụng điện.
3. *Công suất cực đại đầu nguồn* là công suất cực đại mà tổng công ty điện lực, công ty điện lực cấp tỉnh nhận từ hệ thống điện quốc gia và nhập khẩu tại các vị trí đo đếm ranh giới.
4. *Công suất khả dụng của hệ thống* là tổng công suất khả dụng của toàn bộ các nguồn điện trong hệ thống điện quy đổi về đầu cực máy phát và công suất điện nhập khẩu tại các vị trí đo đếm ranh giới trong một khoảng thời gian xác định.
5. *Công suất phân bổ cho tổng công ty điện lực, công ty điện lực cấp tỉnh* là công suất cực đại đầu nguồn mà các tổng công ty điện lực, công ty điện lực cấp tỉnh được phép sử dụng trong khi hệ thống điện quốc gia thiếu công suất.
6. *Đơn vị phân phối điện* là đơn vị điện lực được cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phân phối, bao gồm:
- a) Tổng công ty Điện lực;
 - b) Công ty Điện lực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Công ty Điện lực tỉnh) trực thuộc Tổng công ty Điện lực;
 - c) Công ty Điện lực cấp quận, huyện trực thuộc Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội, Tổng công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh.
7. *Điện năng khả dụng của hệ thống* là tổng sản lượng điện có thể phát được của toàn bộ các nguồn điện trong hệ thống điện quy đổi về đầu cực máy phát và sản lượng điện nhập khẩu tại các vị trí đo đếm ranh giới tính theo năm, tháng, tuần, ngày.
8. *Hệ thống điện quốc gia thiếu công suất* là trường hợp khi tỷ lệ dự phòng công suất của hệ thống điện vào các giờ cao điểm thấp hơn 3% và xuất hiện ít nhất ba (03) ngày trong một tuần.
9. *Hệ thống điện quốc gia thiếu điện năng* là trường hợp điện năng khả dụng của hệ thống điện thấp hơn tổng nhu cầu điện năng dự báo của phụ tải hệ thống điện (bao gồm cả điện xuất khẩu) quy đổi về đầu cực máy phát.
10. *Hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện* là trường hợp hệ thống điện quốc gia thiếu điện năng hoặc thiếu công suất hoặc vừa thiếu điện năng, vừa thiếu công suất.
11. *Sản lượng điện đầu nguồn* là sản lượng điện mà tổng công ty điện lực, công ty điện lực cấp tỉnh nhận từ hệ thống điện quốc gia tại các vị trí đo đếm ranh giới.

12. Sản lượng điện phân bổ theo tháng, tuần, ngày cho tổng công ty điện lực, công ty điện lực cấp tỉnh là sản lượng điện lớn nhất mà các tổng công ty điện lực, công ty điện lực cấp tỉnh được phép sử dụng trong tháng, tuần, ngày khi hệ thống điện quốc gia thiếu điện năng phải thực hiện phân bổ sản lượng điện.

Điều 4. Thông báo ngừng, giảm mức cung cấp điện

1. Mọi trường hợp ngừng, giảm mức cung cấp điện, bên bán điện phải thông báo trước cho bên mua điện, trừ trường hợp quy định tại Điều 6 Thông tư này.

2. Nội dung thông báo ngừng, giảm mức cung cấp điện bao gồm:

a) Địa điểm ngừng, giảm mức cung cấp điện; mức công suất giảm hoặc khả năng cung cấp tối đa trong trường hợp giảm mức cung cấp điện;

b) Lý do ngừng, giảm mức cung cấp điện;

c) Thời gian bắt đầu ngừng, giảm mức cung cấp điện;

d) Thời điểm dự kiến đóng điện trở lại hoặc bảo đảm mức cung cấp điện bình thường.

3. Người của bên bán điện ký thông báo ngừng, giảm mức cung cấp điện phải là một trong những người sau:

a) Người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của bên bán điện;

b) Người giữ chức danh được uỷ quyền ký thông báo ngừng, giảm mức cung cấp điện do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện.

4. Thông báo ngừng, giảm mức cung cấp điện được thực hiện bằng hình thức do hai bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng mua bán điện.

Chương II

CÁC TRƯỜNG HỢP NGỪNG, GIẢM MỨC CUNG CẤP ĐIỆN

Điều 5. Ngừng, giảm mức cung cấp điện khi có nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng hoặc nhu cầu khác theo kế hoạch

Bên bán điện ngừng, giảm mức cung cấp điện khi có nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng hoặc nhu cầu khác theo kế hoạch, cụ thể như sau:

1. Ngừng, giảm mức cung cấp điện theo kế hoạch của bên bán điện khi có nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, xây lắp các công trình điện và các nhu cầu khác theo kế hoạch của bên bán điện hoặc theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân trong

trường hợp để bảo đảm an toàn thi công các công trình phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

2. Ngừng, giảm mức cung cấp điện theo yêu cầu của bên mua điện.

3. Ngừng cấp điện theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân có liên quan trong trường hợp để đảm bảo an toàn phục vụ thi công các công trình không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này. Tổ chức, cá nhân có liên quan phải phối hợp với bên bán điện xác định phạm vi ảnh hưởng của việc ngừng giảm cung cấp điện để báo cáo cơ quan quản lý tại địa phương thông qua trước khi thực hiện.

Điều 6. Ngừng, giảm mức cung cấp điện khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, sự cố mà bên bán điện không kiểm soát được có nguy cơ làm mất an toàn nghiêm trọng cho người, trang thiết bị hoặc do thiếu nguồn điện đe dọa đến an toàn của hệ thống điện

Bên bán điện ngừng, giảm mức cung cấp điện khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, sự cố mà bên bán điện không kiểm soát được có nguy cơ làm mất an toàn nghiêm trọng cho người, trang thiết bị hoặc do thiếu nguồn điện đe dọa đến an toàn của hệ thống điện, cụ thể như sau:

1. Có sự cố xảy ra trên lưới điện cấp điện cho bên mua điện; sự cố trong hệ thống điện gây mất điện mà bên bán điện không kiểm soát được.

2. Có nguy cơ gây sự cố, mất an toàn nghiêm trọng cho người, thiết bị và hệ thống điện.

3. Thiếu nguồn điện đe dọa đến việc bảo đảm an toàn cân bằng cung cầu điện của hệ thống điện.

4. Có sự kiện bất khả kháng.

Điều 7. Ngừng cấp điện do tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật

Bên bán điện được ngừng cấp điện khi tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

1. Bên mua điện không thực hiện thanh toán tiền điện theo quy định tại khoản 4 Điều 48 Luật Điện lực.

2. Bên mua điện có hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 4, 7, 8, 9 và khoản 11 Điều 9 của Luật Điện lực (Các hành vi bị cấm trong hoạt động điện lực và sử dụng điện);

3. Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện biện pháp cưỡng chế ngừng cấp điện theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực.

4. Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của luật khác và phải áp dụng biện pháp ngừng cung cấp điện theo quy định của luật đó.

Chương III

TRÌNH TỰ NGỪNG, GIẢM MỨC CUNG CẤP ĐIỆN

Điều 8. Trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện khi có nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng hoặc nhu cầu khác theo kế hoạch

1. Trường hợp ngừng, giảm mức cung cấp điện khi có nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng hoặc nhu cầu khác theo kế hoạch, bên bán điện phải thông báo cho bên mua điện biết trước thời điểm ngừng, giảm mức cung cấp điện ít nhất 05 ngày, bằng hình thức cụ thể như sau:

a) Gửi thông báo bằng văn bản hoặc thông báo bằng hình thức khác đã được hai bên thoả thuận trong hợp đồng mua bán điện cho khách hàng có sản lượng mua điện trung bình trên 100.000kWh/tháng;

b) Thông báo trong 03 ngày liên tiếp trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc các hình thức khác đã được thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện đối với các khách hàng còn lại. Trong đó thời điểm thông báo đầu tiên phải đảm bảo trước thời điểm ngừng, giảm mức cung cấp điện ít nhất 05 ngày.

2. Sau khi thông báo ngừng, giảm mức cung cấp điện, bên bán điện có trách nhiệm tiến hành ngừng, giảm mức cung cấp điện theo đúng nội dung đã thông báo. Trường hợp không thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện theo nội dung đã thông báo, bên bán điện có trách nhiệm thông báo lại cho bên mua điện trước thời điểm ngừng, giảm mức cung cấp điện đã thông báo ít nhất 24 giờ.

3. Trường hợp bên mua điện có đề nghị thay đổi thời gian ngừng, giảm mức cung cấp điện đã được thông báo thì phải trao đổi với bên bán điện trước thời điểm ngừng, giảm mức cung cấp điện ít nhất 48 giờ. Bên bán điện có trách nhiệm xem xét, giải quyết đề nghị của bên mua điện, cụ thể như sau:

a) Trường hợp không thể thay đổi việc ngừng, giảm mức cung cấp điện, bên bán điện vẫn được ngừng, giảm mức cung cấp điện theo kế hoạch nhưng phải thông báo lại cho bên mua điện và nêu rõ lý do trước thời điểm ngừng, giảm mức cung cấp điện đã thông báo ít nhất 24 giờ;

b) Trường hợp chấp nhận thay đổi thời gian ngừng, giảm mức cung cấp điện, bên bán điện phải thông báo trước cho bên mua điện trước thời điểm ngừng, giảm mức cung cấp điện đã thông báo ít nhất 24 giờ.

4. Sau khi tiến hành ngừng, giảm mức cung cấp điện, bên bán điện phải ghi đầy đủ thời gian, nội dung, trình tự thao tác ngừng, giảm mức cung cấp điện vào sổ nhật ký công tác hoặc nhật ký vận hành.

5. Bên bán điện phải cấp điện trở lại theo đúng thời hạn đã thông báo. Trường hợp thời gian cấp điện trở lại bị chậm so với thời gian đã thông báo từ 01 giờ trở lên, bên bán điện phải thông báo cho khách hàng có sản lượng mua điện trung bình trên 100.000kWh/tháng thời gian cấp điện trở lại bằng điện thoại hoặc hình thức thông báo khác do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện.

Điều 9. Trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, sự cố mà bên bán điện không kiểm soát được có nguy cơ làm mất an toàn nghiêm trọng cho người, trang thiết bị hoặc do thiếu nguồn điện đe dọa đến an toàn của hệ thống điện

Khi xảy ra một trong các trường hợp quy định tại Điều 6 Thông tư này, bên bán điện có quyền ngừng, giảm mức cung cấp điện, sau đó thực hiện các công việc sau:

1. Xác định nguyên nhân, phạm vi ảnh hưởng, thời gian dự kiến cấp điện trở lại.

2. Thông báo cho bên mua điện biết theo hình thức thông báo đã được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện, bao gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, sự cố mà bên bán điện không kiểm soát được có nguy cơ làm mất an toàn nghiêm trọng cho người, trang thiết bị hoặc do thiếu nguồn điện đe dọa đến an toàn của hệ thống điện.

3. Bên bán điện phải ghi đầy đủ thời gian, nguyên nhân, trình tự thao tác ngừng, giảm mức cung cấp điện vào sổ nhật ký công tác hoặc nhật ký vận hành.

4. Trường hợp ngừng, giảm mức cung cấp điện do hệ thống điện thiếu nguồn điện dẫn đến đe dọa bảo đảm khả năng cân bằng cung cầu hệ thống điện, bên bán điện phải đảm bảo thực hiện cắt, giảm đúng lượng công suất phụ tải được tính toán và phân bổ theo quy định về việc lập và thực hiện phương án cung cấp điện khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

5. Phối hợp với các bên có liên quan khẩn trương khắc phục các nguyên nhân dẫn đến ngừng, giảm mức cung cấp điện để cấp điện trở lại trong thời gian nhanh nhất.

Điều 10. Trình tự ngừng cấp điện do tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật

1. Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này

a) Trường hợp không có thỏa thuận lùi ngày thanh toán tiền điện và bên mua điện đã được bên bán điện thông báo về việc thanh toán tiền điện 02 (hai) lần cách nhau không dưới 03 ngày, bên bán điện có quyền ngừng cấp điện cho bên mua điện. Thời điểm bên bán điện có quyền ngừng cấp điện do hai bên tự thỏa thuận và ghi rõ trong hợp đồng mua bán điện nhưng không vượt quá 10 ngày kể từ ngày bên bán điện có thông báo đầu tiên.

b) Trường hợp bên mua điện có đề nghị thỏa thuận và được bên bán điện đồng ý lùi ngày thanh toán tiền điện, nếu quá thời hạn thỏa thuận lùi ngày thanh toán tiền điện mà bên mua điện vẫn chưa thanh toán đủ tiền điện, bên bán điện có quyền ngừng cấp điện cho bên mua điện;

c) Khi thực hiện ngừng cấp điện, bên bán điện phải thông báo cho bên mua điện trước thời điểm ngừng cấp điện ít nhất 24 giờ và không phải chịu trách nhiệm về các thiệt hại do việc ngừng cấp điện gây ra.

2. Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này

Bên bán điện được ngừng cấp điện khi nhận được biên bản vi phạm hành chính và đề nghị của người có thẩm quyền theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực. Bên bán điện có trách nhiệm gửi thông báo ngừng cấp điện cho bên mua điện trước thời điểm ngừng cấp điện ít nhất 24 giờ. Nếu quá thời hạn này mà bên mua điện không chấm dứt hành vi vi phạm và không tiến hành khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra theo yêu cầu thì bên bán điện có quyền ngừng cấp điện theo nội dung đã thông báo.

3. Đối với trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 7 Thông tư này

Bên bán điện phải thông báo ngừng cấp điện cho bên mua trước thời điểm ngừng cấp điện ít nhất 24 giờ và nêu rõ lý do ngừng cấp điện. Sau khi ngừng cấp điện, bên bán điện phải thông báo bằng văn bản về việc ngừng cấp điện cho cơ quan nhà nước có yêu cầu ngừng cấp điện.

4. Việc cấp điện trở lại chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau:

a) Thanh toán đầy đủ tiền điện cho bên bán điện đối với trường hợp ngừng cấp điện theo quy định tại khoản 1 Điều 7;

b) Bên mua điện đã thực hiện đầy đủ quyết định xử lý vi phạm hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đã chấm dứt hành vi vi phạm, đã tiến hành khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra với trường hợp ngừng cấp điện theo quy định tại khoản 2 Điều 7;

c) Có yêu cầu cấp điện trở lại bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đối với trường hợp ngừng cấp điện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 7.

Chương IV

BÁO CÁO VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN NGỪNG, GIẢM MỨC CUNG CẤP ĐIỆN

Điều 11. Báo cáo định kỳ hằng tháng

1. Trước ngày 15 hằng tháng, Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội, Tổng công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Điện lực tỉnh và các Đơn vị phân phối, Đơn vị bán lẻ điện được cấp giấy phép hoạt động điện lực có tổng quy mô công suất lắp đặt của các trạm biến áp từ 03 MVA trở lên có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo bằng văn bản gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc hệ thống thư điện tử đến Sở Công Thương tại địa phương kết quả thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện tháng trước liền kề trong phạm vi quản lý. Báo cáo bao gồm:

a) Báo cáo tổng hợp thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện hằng tháng theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo chi tiết thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện hằng tháng theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trước ngày 15 hằng tháng, các Tổng công ty Điện lực có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc hệ thống thư điện tử đến Bộ Công Thương về việc thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện tháng trước liền kề trong phạm vi quản lý. Báo cáo bao gồm các nội dung quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 12. Báo cáo đột xuất

1. Khi phải thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, sự cố mà bên bán điện không kiểm soát được có nguy cơ làm mất an toàn nghiêm trọng cho người, trang thiết bị hoặc do thiếu nguồn điện đe dọa đến an toàn của hệ thống điện trên diện rộng trong hệ thống điện quốc gia do sự cố nghiêm trọng, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Công

Thương bằng thư điện tử (email) hoặc fax ngay sau khi xảy ra sự cố và bằng văn bản trong thời hạn 36 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố.

2. Khi phải thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, sự cố mà bên bán điện không kiểm soát được có nguy cơ làm mất an toàn nghiêm trọng cho người, trang thiết bị hoặc do thiếu nguồn điện đe dọa đến an toàn của hệ thống điện trong trường hợp sự cố lưới điện truyền tải từ 220kV trở lên hoặc sự cố các trạm biến áp 110kV có vai trò quan trọng trong việc cung cấp điện cho một khu vực:

a) Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Điện lực có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương bằng thư điện tử (email) hoặc fax ngay sau khi xảy ra sự cố và bằng văn bản trong thời hạn 36 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố.

b) Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội, Tổng công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Điện lực tỉnh có trách nhiệm báo cáo Sở Công Thương tại địa phương bằng thư điện tử (email) hoặc fax ngay sau khi xảy ra sự cố và bằng văn bản trong thời hạn 36 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố.

3. Bên bán điện có trách nhiệm báo cáo việc thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện bằng văn bản qua dịch vụ bưu chính hoặc hệ thống thư điện tử khi có yêu cầu của Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương tại địa phương.

4. Báo cáo đột xuất phải bao gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

Điều 13. Chế độ báo cáo của công ty điện lực cấp tỉnh trong trường hợp thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện do thiếu nguồn điện

1. Báo cáo tuần

Trước 11h00 ngày thứ Sáu tuần W, công ty điện lực cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo Tổng công ty điện lực miền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Công Thương tình hình cung cấp điện tại địa phương từ ngày thứ Sáu tuần W-1 đến ngày thứ Năm tuần W.

Báo cáo tuần của công ty điện lực cấp tỉnh thực hiện theo Biểu mẫu báo cáo tuần về tình hình cung cấp điện và tiết giảm điện quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Báo cáo tháng

Trước ngày 05 hàng tháng, công ty điện lực cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo Tổng công ty điện lực miền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Công Thương tình hình

cung cấp và tiết giảm điện tại địa phương của tháng liền trước, gồm các nội dung sau:

- a) Sản lượng điện, công suất cực đại phân bổ và thực hiện của công ty điện lực trong tháng;
- b) Ước tính sản lượng điện, công suất phụ tải bị tiết giảm trong tháng;
- c) Thực hiện phân bổ sản lượng điện, công suất tiết giảm cho các khách hàng sử dụng điện lớn và các khách hàng còn lại trên địa bàn tỉnh;
- d) Phân tích, làm rõ nguyên nhân trong trường hợp việc thực hiện cung cấp điện thực tế khác với kế hoạch cung cấp điện tháng đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Báo cáo tháng của công ty điện lực cấp tỉnh được thực hiện theo Biểu mẫu báo cáo tháng về tình hình cung cấp điện và tiết giảm điện quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 14. Chế độ báo cáo của Tổng công ty Điện lực trong trường hợp thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện do thiếu nguồn điện

1. Báo cáo tuần

a) Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội, Tổng công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Công Thương tình hình cung cấp điện tại địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư này;

b) Trước 14h00 thứ sáu tuần W, tổng công ty điện lực có trách nhiệm báo cáo Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Bộ Công Thương tình hình cung cấp và tiết giảm điện từ ngày thứ Sáu tuần W-1 đến ngày thứ Năm tuần W, gồm các nội dung sau:

- Sản lượng điện, công suất cực đại phân bổ và thực hiện của tổng công ty điện lực từng ngày trong tuần;

- Sản lượng điện, công suất phân bổ cho các công ty điện lực cấp tỉnh trực thuộc và tình hình thực hiện tiết giảm phụ tải điện của các công ty điện lực cấp tỉnh (đối với các tổng công ty điện lực miền);

- Phân tích, làm rõ nguyên nhân trong trường hợp sản lượng điện, công suất thực tế sai khác so với mức được phân bổ từ 10% trở lên.

Báo cáo tuần của tổng công ty điện lực được thực hiện theo Biểu mẫu báo cáo tuần về tình hình cung cấp điện và tiết giảm điện quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Báo cáo tháng

a) Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội, Tổng công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Công Thương tình hình cung cấp điện tại địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này;

b) Trước ngày 07 hàng tháng, Tổng công ty điện lực có trách nhiệm báo cáo Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Bộ Công Thương về tình hình cung cấp điện của tháng trước. Nội dung báo cáo bao gồm:

- Sản lượng điện, công suất cực đại phân bổ và thực hiện của tổng công ty điện lực từng tuần trong tháng và cả tháng;
- Ước tính sản lượng điện, công suất phụ tải bị tiết giảm từng tuần trong tháng;
- Sản lượng điện, công suất phân bổ cho các công ty điện lực cấp tỉnh trực thuộc và tình hình thực hiện tiết giảm phụ tải điện của các công ty điện lực cấp tỉnh (đối với các tổng công ty điện lực miền);
- Phân tích, làm rõ nguyên nhân trong trường hợp tổng sản lượng điện, công suất cực đại thực tế sai khác so mức được phân bổ từ 5% trở lên.

Báo cáo tháng của tổng công ty điện lực được thực hiện theo Biểu mẫu báo cáo tháng về tình hình cung cấp điện và tiết giảm điện quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 15. Chế độ báo cáo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam trong trường hợp thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện do thiếu nguồn điện

1. Báo cáo tuần

Trước 16h00 thứ sáu tuần W, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương về tình hình cung cấp điện và tiết giảm điện hệ thống điện quốc gia từ ngày thứ Sáu tuần W-1 đến ngày thứ Năm tuần W, gồm các nội dung sau:

- a) Sản lượng điện, công suất khả dụng của hệ thống và sản lượng điện, công suất phân bổ cho các tổng công ty điện lực trong tuần;
- b) Công suất cực đại, sản lượng điện từng ngày và tổng sản lượng điện thực hiện của toàn hệ thống và của từng tổng công ty điện lực trong tuần.

Báo cáo tuần của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được thực hiện theo Biểu mẫu báo cáo tuần về tình hình cung cấp điện và tiết giảm điện quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Báo cáo tháng

Trước ngày 10 hàng tháng, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương và Bộ Công Thương về tình hình cung cấp điện của tháng trước, gồm các nội dung sau:

- a) Sản lượng điện, công suất khả dụng của hệ thống và sản lượng điện, công suất phân bổ cho các tổng công ty điện lực từng tuần trong tháng;
- b) Công suất cực đại, sản lượng điện từng tuần và tổng sản lượng điện thực hiện của hệ thống và của từng tổng công ty điện lực trong tháng;
- c) Ước tính sản lượng điện, công suất cực đại bị tiết giảm của từng tổng công ty điện lực và của toàn hệ thống từng tuần trong tháng;
- d) Phân tích, làm rõ nguyên nhân trong trường hợp sản lượng điện thực hiện của toàn hệ thống khác với kế hoạch vận hành tháng và năm được duyệt từ 5% trở lên.

Báo cáo tháng của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được thực hiện theo Biểu mẫu báo cáo tháng về tình hình cung cấp điện và tiết giảm điện quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 16. Giám sát thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện

1. Trường hợp thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện do thiếu nguồn điện, Tổng công ty Điện lực có trách nhiệm:

- a) Giám sát việc thực hiện sản lượng điện tối đa cho phép và công suất phân bổ tại các công ty điện lực cấp tỉnh, đảm bảo các công ty điện lực cấp tỉnh thực hiện đúng sản lượng điện, công suất được phân bổ;
- b) Giám sát công tác tiết giảm điện của các công ty điện lực cấp tỉnh, đảm bảo việc tiết giảm điện tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 16 Thông tư này.

c) Trước 8:00 hàng ngày, thông báo cho Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia kết quả thực hiện sản lượng điện, công suất được phân bổ của ngày D-1.

2. Trường hợp thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện do thiếu nguồn điện Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm:

- a) Giám sát việc thực hiện sản lượng điện tối đa cho phép và công suất phân bổ tại các tổng công ty điện lực, đảm bảo các tổng công ty điện lực thực hiện đúng sản lượng điện, công suất được phân bổ;
- b) Giám sát công tác cung cấp điện của các tổng công ty điện lực và các công

ty điện lực cấp tỉnh, đảm bảo việc tiết giảm điện tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 16 Thông tư này.

3. Sở Công Thương có trách nhiệm:

a) Hằng năm, căn cứ vào tầm quan trọng về chính trị, xã hội, an ninh và quốc phòng, Sở Công Thương địa phương chủ trì và phối hợp với Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội, Tổng công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Điện lực tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt danh sách khách hàng thuộc diện ưu tiên cấp điện khi bên bán điện thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện trong hệ thống điện;

b) Giám sát việc thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện của Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội, Tổng công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Điện lực tỉnh, Đơn vị phân phối và Đơn vị bán lẻ điện tại địa phương theo quy định tại Thông tư này.

c) Giám sát việc cung cấp điện của công ty điện lực tại địa phương theo sản lượng điện, công suất được phân bổ khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện;

d) Giám sát công tác cung cấp điện tại địa phương theo phương án được duyệt và các nguyên tắc tiết giảm điện quy định tại Điều 6 Phụ lục I của Thông tư này khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện;

đ) Giám sát việc sử dụng điện của các khách hàng sử dụng điện có biểu đồ phụ tải điện đã thỏa thuận với công ty điện lực cấp tỉnh tại địa phương khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện.

4. Bộ Công Thương có trách nhiệm:

a) Giám sát chung việc thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện của các đơn vị điện lực theo quy định tại Thông tư này.

b) Giám sát chung về phân bổ và thực hiện sản lượng điện, công suất khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện đảm bảo theo đúng các nguyên tắc quy định tại Điều 6 Phụ lục I của Thông tư này.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện việc ngừng, giảm mức cung cấp điện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2025. Các Thông tư số 22/2020/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định điều kiện, trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện, Thông tư số 34/2011/TT-BCT ngày 07 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc lập và thực hiện kế hoạch cung cấp điện khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện, Thông tư số 23/2020/TT-BCT ngày 09 tháng 9 năm 2020 quy định phương pháp xác định và mức chi phí ngừng, cấp điện trở lại hết hiệu lực thi hành từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

2. Bãi bỏ Điều 6, khoản 4, khoản 5 Điều 9 Thông tư số 12/2024/TT-BCT ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của bộ trưởng bộ công thương liên quan đến điều độ, vận hành hệ thống điện quốc gia và thị trường điện.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vấn đề vướng mắc, nội dung mới phát sinh, các đơn vị có liên quan có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Thông tư cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- NSMO;
- Website: Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Lưu: VT, PC, ĐTĐL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trương Thanh Hoài

Phụ lục I
LẬP, THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CUNG CẤP ĐIỆN KHI HỆ THỐNG
ĐIỆN QUỐC GIA THIẾU NGUỒN ĐIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Điều 1. Phương pháp xác định tổng điện năng, tổng công suất phân bổ cho các tổng công ty điện lực khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện

1. Việc phân bổ điện năng, công suất cho các tổng công ty điện lực và các công ty điện lực cấp tỉnh chỉ thực hiện khi hệ thống điện quốc gia ở tình trạng thiếu nguồn điện và theo các căn cứ sau:

a) Phân bổ điện năng căn cứ trên phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia năm, tháng được duyệt;

b) Phân bổ công suất căn cứ trên phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia tháng, tuần được duyệt.

2. Tổng sản lượng điện phân bổ theo tháng cho các tổng công ty điện lực được xác định như sau:

$$A_{\Sigma m}^{PB} = K_m^A \times A_m^{KD}$$

Trong đó:

- $A_{\Sigma m}^{PB}$: Tổng sản lượng điện đầu nguồn phân bổ cho các tổng công ty điện lực trong tháng m ;

- K_m^A : Hệ số tỷ lệ giữa tổng sản lượng điện đầu nguồn phân bổ cho các tổng công ty điện lực trong tháng m với tổng điện năng khả dụng của hệ thống trong tháng m . Hệ số K_m^A được xác định căn cứ trên việc ước tính:

(i) Sản lượng điện tự dùng và tổn thất điện năng trên máy biến áp tăng áp của các nhà máy điện;

(ii) Tổng sản lượng điện của các phụ tải tại chỗ do các nhà máy điện cung cấp;

(iii) Tổn thất điện năng trên lưới điện truyền tải;

(iv) Tổng sản lượng điện xuất khẩu qua lưới điện truyền tải của toàn hệ thống (điện xuất khẩu không do các tổng công ty điện lực thực hiện).

- A_m^{KD} : Tổng điện năng khả dụng của hệ thống trong tháng m theo phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia tháng được duyệt (bao gồm cả các nhà máy điện nhỏ có hợp đồng mua bán điện với tổng công ty điện lực hoặc công ty điện lực cấp tỉnh).

3. Tổng công suất phân bổ theo tuần cho các tổng công ty điện lực được xác định như sau:

$$P_{\Sigma w}^{PB} = K_w^P \times P_w^{KD}$$

Trong đó:

- $P_{\Sigma w}^{PB}$: Tổng công suất cực đại đầu nguồn phân bổ cho các tổng công ty điện lực trong tuần w ;

- K_w^P : Hệ số tỷ lệ giữa tổng công suất cực đại đầu nguồn phân bổ cho các tổng công ty điện lực trong tuần w với tổng công suất khả dụng của hệ thống trong tuần w . Hệ số K_w^P được xác định căn cứ trên việc ước tính:

(i) Tổng công suất tự dùng và tổn thất công suất trên máy biến áp tăng áp của các nhà máy điện;

(ii) Tổng công suất cực đại của các phụ tải tại chỗ do các nhà máy điện cung cấp;

(iii) Tổn thất công suất trên lưới điện truyền tải;

(iv) Công suất xuất khẩu cực đại qua lưới điện truyền tải của toàn hệ thống (công suất xuất khẩu không do các tổng công ty điện lực thực hiện).

- P_w^{KD} : Công suất khả dụng của hệ thống trong tuần w theo phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia tháng, tuần được duyệt (bao gồm cả các nhà máy điện nhỏ có hợp đồng mua bán điện với các tổng công ty điện lực hoặc công ty điện lực cấp tỉnh).

4. Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Tập đoàn Điện lực Việt Nam xác định các hệ số K_m^A và K_w^P căn cứ trên việc cập nhật các thông tin vận hành hệ thống điện quốc gia nhằm đảm bảo phân bổ tối đa điện năng, công suất khả dụng của hệ thống cho các tổng công ty điện lực và báo cáo Bộ Công Thương để giám sát thực hiện.

Điều 2. Phương pháp phân bổ sản lượng điện cho các tổng công ty điện lực

1. Sản lượng điện phân bổ theo tháng cho từng tổng công ty điện lực được xác định căn cứ theo tổng sản lượng điện đầu nguồn phân bổ cho các tổng công ty điện lực và tỷ lệ thuận với nhu cầu sản lượng điện đầu nguồn của từng tổng công ty điện lực theo phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia năm, tháng được duyệt, có xét ưu tiên cấp điện cho Tổng công ty điện lực thành phố Hà Nội và Tổng công ty điện lực thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sản lượng điện phân bổ theo tháng cho từng tổng công ty điện lực được

tính toán như sau:

$$A_{i,m}^{PB} = A_{i,m}^{KH} - \left(\frac{K_i^A \cdot A_{i,m}^{KH}}{\sum_i K_i^A \cdot A_{i,m}^{KH}} \right) \times (A_{\Sigma m}^{KH} - A_{\Sigma m}^{PB})$$

Trong đó:

- $A_{i,m}^{PB}$: Sản lượng điện đầu nguồn phân bổ cho Tổng công ty điện lực i trong tháng m ;
- $A_{i,m}^{KH}$: Nhu cầu sản lượng điện đầu nguồn theo phương thức vận hành của Tổng công ty điện lực i trong tháng m ;
- K_i^A : Hệ số điều chỉnh cho Tổng công ty điện lực i .
- $A_{\Sigma m}^{KH}$: Tổng nhu cầu sản lượng điện đầu nguồn theo phương thức vận hành của các tổng công ty điện lực trong tháng m ;
- $A_{\Sigma m}^{PB}$: Tổng sản lượng điện đầu nguồn phân bổ cho các tổng công ty điện lực trong tháng m .

3. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia xác định hệ số điều chỉnh (K_i^A) cho từng tổng công ty điện lực để đảm bảo phân bổ hết tổng sản lượng điện đầu nguồn trong tháng m ($A_{\Sigma m}^{PB}$), thông báo phương pháp tính và kết quả tính hệ số điều chỉnh cho các tổng công ty điện lực, đồng thời báo cáo Bộ Công Thương để giám sát thực hiện.

4. Sản lượng điện phân bổ hàng tuần cho các tổng công ty điện lực được xác định căn cứ trên sản lượng điện phân bổ cho các tổng công ty điện lực trong phương án phân bổ sản lượng điện tháng.

5. Sản lượng điện phân bổ theo ngày cho các tổng công ty điện lực được xác định cho ngày làm việc và ngày thứ Bảy, ngày Chủ Nhật căn cứ trên sản lượng điện phân bổ cho các tổng công ty điện lực trong phương án phân bổ sản lượng điện tuần.

Điều 3. Phương pháp phân bổ sản lượng điện cho các công ty điện lực cấp tỉnh

1. Sản lượng điện phân bổ theo tháng cho từng công ty điện lực cấp tỉnh được xác định căn cứ theo sản lượng điện đầu nguồn phân bổ cho tổng công ty điện lực miền trong tháng và tỷ lệ thuận với nhu cầu sản lượng điện đầu nguồn theo phương thức vận hành được duyệt của công ty điện lực cấp tỉnh đó trong tháng thực hiện phân bổ sản lượng điện.

2. Sản lượng điện phân bổ theo tháng cho từng công ty điện lực cấp tỉnh được tính toán như sau:

$$A_{j,m}^{PB} = \frac{K_j^A \cdot A_{j,m}^{KH}}{\sum_j K_j^A \cdot A_{j,m}^{KH}} \times (1 - \delta_i^A) \times A_{i,m}^{PB}$$

Trong đó:

- $A_{j,m}^{PB}$: Sản lượng điện đầu nguồn phân bổ cho công ty điện lực j trong tháng m ;

- K_j^A : Hệ số điều chỉnh cho công ty điện lực j ;

- $A_{j,m}^{KH}$: Nhu cầu sản lượng điện đầu nguồn theo phương thức vận hành của công ty điện lực j trong tháng m , được công ty điện lực j tính toán (bao gồm cả các phụ tải điện đấu nối vào lưới điện 110kV), đăng ký với Tổng công ty điện lực miền. Tổng công ty điện lực miền có trách nhiệm chuẩn xác nhu cầu sản lượng điện đầu nguồn theo phương thức vận hành của các công ty điện lực cấp tỉnh trực thuộc để thực hiện phân bổ sản lượng điện;

- δ_i^A : Hệ số tổn thất điện năng trên lưới điện phân phối của Tổng công ty điện lực miền i trong tháng m , tính từ điểm giao nhận điện của Tổng công ty điện lực miền i với hệ thống điện quốc gia đến điểm giao nhận với các công ty điện lực cấp tỉnh trực thuộc;

- $A_{i,m}^{PB}$: Sản lượng điện đầu nguồn phân bổ cho Tổng công ty điện lực miền i trong tháng m .

3. Tổng công ty điện lực miền i có trách nhiệm xác định hệ số điều chỉnh (K_j^A) cho từng công ty điện lực trực thuộc để đảm bảo phân bổ hết sản lượng điện đầu nguồn trong tháng m ($A_{i,m}^{PB}$), thông báo phương pháp tính và kết quả tính hệ số điều chỉnh cho các công ty điện lực cấp tỉnh trực thuộc, đồng thời báo cáo Tập đoàn Điện lực Việt Nam để chỉ đạo và giám sát thực hiện.

4. Sản lượng điện phân bổ hàng tuần cho các công ty điện lực cấp tỉnh được xác định căn cứ trên sản lượng điện phân bổ cho các công ty điện lực cấp tỉnh trong phương án phân bổ sản lượng điện tháng của Tổng công ty điện lực miền.

5. Sản lượng điện phân bổ theo ngày cho các công ty điện lực cấp tỉnh được xác định cho ngày làm việc và ngày thứ Bảy, ngày Chủ Nhật căn cứ trên sản lượng điện phân bổ cho các công ty điện lực cấp tỉnh trong phương án phân bổ sản lượng điện tuần.

Điều 4. Phương pháp phân bổ công suất cho tổng công ty điện lực

1. Công suất phân bổ cho từng tổng công ty điện lực trong tuần xảy ra tình trạng thiếu công suất được xác định căn cứ theo tổng công suất cực đại đầu nguồn phân bổ cho các tổng công ty điện lực trong tuần tương ứng và tỷ lệ thuận với nhu cầu công suất đầu nguồn của tổng công ty điện lực tại các giờ cao điểm của hệ thống theo phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia tháng, tuần được duyệt, có xét ưu tiên cấp điện cho Tổng công ty điện lực thành phố Hà Nội và Tổng công ty điện lực thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công suất phân bổ theo tuần cho từng tổng công ty điện lực được tính toán như sau:

$$P_{i,w}^{PB} = P_{i,w}^{KH} - \left(\frac{K_i^P \cdot P_{i,w}^{KH}}{\sum_i K_i^P \cdot P_{i,w}^{KH}} \right) \times (P_{\Sigma w}^{KH} - P_{\Sigma w}^{PB})$$

Trong đó:

- $P_{i,w}^{PB}$: Công suất cực đại đầu nguồn phân bổ cho tổng công ty điện lực i trong tuần w tại các giờ cao điểm của hệ thống;

- $P_{i,w}^{KH}$: Nhu cầu công suất đầu nguồn theo phương thức vận hành của tổng công ty điện lực i trong tuần w tại các giờ cao điểm của hệ thống;

- K_i^P : Hệ số điều chỉnh cho tổng công ty điện lực i ;

- $P_{\Sigma w}^{KH}$: Tổng nhu cầu công suất đầu nguồn của các tổng công ty điện lực trong tuần w tại các giờ cao điểm của hệ thống;

- $P_{\Sigma w}^{PB}$: Tổng công suất cực đại đầu nguồn phân bổ cho các tổng công ty điện lực trong tuần w .

3. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia xác định hệ số điều chỉnh (K_i^P) cho từng tổng công ty điện lực để đảm bảo phân bổ hết tổng công suất cực đại đầu nguồn trong tuần w ($P_{\Sigma w}^{PB}$), thông báo phương pháp tính và kết quả tính hệ số điều chỉnh cho các tổng công ty điện lực, đồng thời báo cáo Bộ Công Thương để giám sát thực hiện.

Điều 5. Phương pháp phân bổ công suất cho công ty điện lực cấp tỉnh

1. Công suất phân bổ theo tuần cho từng công ty điện lực cấp tỉnh được xác định căn cứ theo công suất cực đại đầu nguồn phân bổ cho tổng công ty điện lực miền và tỷ lệ thuận với nhu cầu công suất đầu nguồn của công ty điện lực cấp tỉnh tại các giờ cao điểm của hệ thống trong tuần thực hiện phân bổ công suất.

2. Công suất phân bổ theo tuần cho từng công ty điện lực cấp tỉnh được tính

toán như sau:

$$P_{j,w}^{PB} = \frac{K_j^P \cdot P_{j,m}^{KH}}{\sum_j K_j^P \cdot P_{j,m}^{KH}} \times (1 - \delta_i^P) \times P_{i,w}^{PB}$$

Trong đó:

- $P_{j,w}^{PB}$: Công suất cực đại đầu nguồn phân bổ cho công ty điện lực j trong tuần w tại các giờ cao điểm của hệ thống;

- K_j^P : Hệ số điều chỉnh cho công ty điện lực j .

- $P_{j,m}^{KH}$: Nhu cầu công suất đầu nguồn theo phương thức vận hành của công ty điện lực j trong tháng m tại các giờ cao điểm của hệ thống, được công ty điện lực j tính toán (bao gồm cả các phụ tải điện đấu nối vào lưới điện 110kV), đăng ký với Tổng công ty điện lực miền. Tổng công ty điện lực miền có trách nhiệm chuẩn xác nhu cầu công suất đầu nguồn của các công ty điện lực cấp tỉnh trực thuộc tại các giờ cao điểm của hệ thống để thực hiện phân bổ công suất;

- δ_i^P : Hệ số tổn thất công suất trên lưới điện phân phối của Tổng công ty điện lực miền i trong tuần w , tính từ điểm giao nhận điện của Tổng công ty điện lực miền i với hệ thống điện quốc gia đến điểm giao nhận với các công ty điện lực cấp tỉnh trực thuộc;

- $P_{i,w}^{PB}$: Công suất cực đại đầu nguồn phân bổ cho Tổng công ty điện lực i trong tuần w tại các giờ cao điểm của hệ thống.

3. Tổng công ty điện lực miền i có trách nhiệm xác định hệ số điều chỉnh (K_j^P) cho từng công ty điện lực trực thuộc để đảm bảo phân bổ hết công suất cực đại đầu nguồn trong tuần w ($P_{i,w}^{PB}$), thông báo phương pháp tính và kết quả tính hệ số điều chỉnh cho các công ty điện lực cấp tỉnh trực thuộc, đồng thời báo cáo Tập đoàn Điện lực Việt Nam để chỉ đạo và giám sát thực hiện.

Điều 6. Nguyên tắc thực hiện điều hoà, tiết giảm điện

1. Trường hợp hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện, các tổng công ty điện lực, công ty điện lực cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện các biện pháp để giảm thiểu ảnh hưởng của việc tiết giảm điện tới hoạt động sản xuất và đời sống nhân dân, cụ thể như sau:

a) Thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện và quản lý nhu cầu phụ tải điện;

b) Thoả thuận với khách hàng sử dụng điện có nguồn điện dự phòng tại chỗ để khai thác các nguồn điện này khi xảy ra thiếu điện;

c) Thoả thuận với khách hàng công nghiệp - xây dựng về phương thức tiết

giảm điện luân phiên khi hệ thống thiếu điện năng hoặc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh để giảm công suất tiêu thụ điện tại các giờ cao điểm khi hệ thống thiếu công suất; bố trí kế hoạch sản xuất hợp lý, xây dựng và thực hiện các phương án giảm nhu cầu sử dụng điện phù hợp với khả năng cung cấp điện.

2. Trong trường hợp đã thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này mà sản lượng điện, công suất tiêu thụ của các tổng công ty điện lực, công ty điện lực cấp tỉnh vẫn có khả năng vượt mức sản lượng điện, công suất được phân bổ thì việc tiết giảm điện phải được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Ưu tiên cấp điện cho các sự kiện chính trị - xã hội quan trọng và các sự kiện khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Thực hiện tiết giảm điện theo phương án được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đảm bảo luân phiên, công bằng, không tiết giảm điện kéo dài đối với một khu vực hoặc một phụ tải điện, đáp ứng hợp lý nhu cầu điện cho sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân.

3. Trong quá trình thực hiện điều hoà, tiết giảm điện, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia cập nhật điện năng, công suất khả dụng và tăng trưởng phụ tải thực tế của toàn hệ thống để kịp thời điều chỉnh phương án cung cấp điện; chỉ đạo các tổng công ty điện lực, công ty điện lực cấp tỉnh thực hiện phương án cung cấp điện đã được điều chỉnh để đảm bảo vận hành ổn định hệ thống điện quốc gia và cung cấp điện tối đa khi điều kiện cho phép.

Điều 7. Phương án phân bổ sản lượng điện của hệ thống điện quốc gia năm tới

1. Căn cứ phương thức vận hành hệ thống điện năm tới được duyệt, trường hợp hệ thống điện quốc gia có nguy cơ thiếu điện năng, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Đơn vị Điều độ hệ thống điện quốc gia tính toán phương án phân bổ sản lượng điện của hệ thống điện quốc gia năm tới theo tháng theo phương pháp quy định tại Điều 2 Phụ lục này, công bố cho các tổng công ty điện lực và báo cáo Bộ Công Thương chỉ đạo, giám sát thực hiện.

2. Phương án phân bổ sản lượng điện của hệ thống điện quốc gia năm tới gồm các nội dung sau:

a) Thời gian dự kiến áp dụng phân bổ sản lượng điện;

b) Nhu cầu sản lượng điện đầu nguồn của từng tổng công ty điện lực trong các tháng hệ thống điện quốc gia thiếu điện năng;

c) Điện năng khả dụng của hệ thống điện quốc gia từng tháng trong giai đoạn hệ thống điện quốc gia thiếu điện năng;

d) Sản lượng điện phân bổ theo tháng cho từng tổng công ty điện lực trong

giai đoạn thiếu điện năng tương ứng với điện năng khả dụng của hệ thống từng tháng.

Điều 8. Phương án cung cấp điện tại địa phương năm tới

1. Căn cứ phương án phân bổ sản lượng điện của hệ thống điện quốc gia năm tới do Tập đoàn Điện lực Việt Nam công bố, các Tổng công ty điện lực Miền Bắc, Miền Trung, Miền Nam có trách nhiệm tính toán, phân bổ sản lượng điện theo tháng cho các công ty điện lực cấp tỉnh trực thuộc theo phương pháp quy định tại Điều 3 Phụ lục này, đồng thời báo cáo Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Bộ Công Thương để theo dõi và giám sát thực hiện.

2. Trước ngày 05 tháng 12 hàng năm, căn cứ phương án phân bổ sản lượng điện theo tháng của các Tổng công ty điện lực Miền Bắc, Miền Trung, Miền Nam, các công ty điện lực cấp tỉnh có trách nhiệm lập phương án cung cấp điện tại địa phương năm tới, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

3. Trước ngày 05 tháng 12 hàng năm, căn cứ phương án phân bổ sản lượng điện của hệ thống điện quốc gia năm tới được công bố, Tổng công ty điện lực thành phố Hà Nội, Tổng công ty điện lực thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm lập phương án cung cấp điện năm tới, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

4. Phương án cung cấp điện tại địa phương năm tới phải bao gồm các nội dung sau:

a) Sản lượng điện hoặc công suất được phân bổ, tỷ lệ sản lượng điện hoặc công suất điều hòa, tiết giảm theo tháng và thời gian điều hòa, tiết giảm điện dự kiến tại địa phương;

b) Phương án điều hòa, tiết giảm điện dự kiến đối với khách hàng sử dụng điện lớn và các khách hàng còn lại theo sản lượng điện, công suất được phân bổ.

5. Sở Công Thương có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và công bố phương án cung cấp điện tại địa phương năm tới trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

Điều 9. Phương án phân bổ sản lượng điện của hệ thống điện quốc gia tháng tới

1. Căn cứ phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia tháng tới được duyệt, trường hợp tháng tới hệ thống điện quốc gia thiếu điện năng, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với Đơn vị Điều độ hệ thống điện quốc gia thực hiện phân bổ và công bố sản lượng điện của hệ thống điện quốc gia tháng tới theo tuần cho các tổng công ty điện lực, đồng thời báo cáo Bộ Công Thương để theo dõi và giám sát thực hiện.

Trường hợp tháng tới hệ thống điện quốc gia thiếu điện năng có thể gây ra suy giảm công suất khả dụng của các nhà máy thủy điện dẫn đến nguy cơ thiếu

công suất toàn hệ thống, Đơn vị Điều độ hệ thống điện quốc gia có trách nhiệm xác định và công bố công suất khả dụng của hệ thống, tổng công suất cực đại đầu nguồn phân bổ cho các tổng công ty điện lực theo tuần theo phương pháp quy định tại Điều 1 Phụ lục này.

2. Phương án phân bổ sản lượng điện của hệ thống điện quốc gia tháng tới gồm các nội dung sau:

- a) Thời gian dự kiến thực hiện phân bổ sản lượng điện;
- b) Điện năng khả dụng của hệ thống từng tuần trong tháng;
- c) Sản lượng điện phân bổ cho các tổng công ty điện lực từng tuần trong tháng;
- d) Ước tính sản lượng điện tiết giảm dự kiến của hệ thống điện quốc gia trong tháng;
- đ) Công suất phân bổ cho các tổng công ty điện lực từng tuần trong tháng và ước tính lượng công suất tiết giảm trong trường hợp hệ thống điện quốc gia thiếu điện năng dẫn đến nguy cơ thiếu công suất toàn hệ thống.

Điều 10. Phương án cung cấp điện tại địa phương tháng tới

1. Trường hợp tháng tới hệ thống điện quốc gia thiếu điện năng, căn cứ trên phương án phân bổ sản lượng điện của hệ thống điện quốc gia tháng tới, Tổng công ty điện lực Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam phải thực hiện phân bổ sản lượng điện từng tuần trong tháng tới cho các công ty điện lực cấp tỉnh trực thuộc theo phương pháp quy định tại Điều 3 Phụ lục này, công bố trên trang thông tin điện tử của đơn vị, đồng thời báo cáo Tập đoàn điện lực Việt Nam và Bộ Công Thương để theo dõi và giám sát thực hiện.

2. Trường hợp tháng tới hệ thống điện quốc gia thiếu điện năng, căn cứ trên phương án cung cấp điện tại địa phương năm được duyệt theo quy định tại Điều 8 Phụ lục này và sản lượng điện được Tổng công ty điện lực miền phân bổ trong tháng tới, các công ty điện lực cấp tỉnh có trách nhiệm lập phương án cung cấp điện tại địa phương trong tháng tới trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

3. Trường hợp tháng tới hệ thống điện quốc gia thiếu điện năng, căn cứ trên phương án cung cấp điện tại địa phương năm được duyệt theo quy định tại Điều 8 Phụ lục này và phương án phân bổ sản lượng điện của hệ thống điện quốc gia tháng tới được duyệt, Tổng công ty điện lực thành phố Hà Nội và Tổng công ty điện lực thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm lập phương án cung cấp điện tại địa phương trong tháng tới trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

4. Phương án cung cấp điện tại địa phương trong tháng tới được duyệt theo nguyên tắc quy định tại Điều 6 Phụ lục này và phải bao gồm các nội dung sau:

a) Sản lượng điện phân bổ cho các khách hàng sử dụng điện lớn, các khách hàng còn lại và các đơn vị phân phối và đơn vị bán lẻ điện;

b) Phương thức điều hoà, tiết giảm điện đối với các khách hàng sử dụng điện lớn và các khách hàng còn lại.

5. Sở Công Thương có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và công bố phương án cung cấp điện tại địa phương trong tháng tới.

Điều 11. Lập và thực hiện phương án cung cấp điện tuần tại địa phương

1. Trường hợp hệ thống điện quốc gia thiếu điện năng, trước 11h00 ngày thứ Sáu tuần W, căn cứ phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia tuần được duyệt, Tổng công ty điện lực miền có trách nhiệm hoàn thành việc lập phương án phân bổ sản lượng điện cho các công ty điện lực cấp tỉnh trực thuộc trong tuần W+2 và cập nhật, điều chỉnh phương án phân bổ sản lượng điện tuần W+1 nếu cần thiết, đồng thời báo cáo Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Bộ Công Thương để theo dõi và giám sát thực hiện.

2. Trường hợp hệ thống điện quốc gia thiếu điện năng, trước 16h00 ngày thứ Sáu tuần W, căn cứ phương án phân bổ sản lượng điện của Tổng công ty điện lực miền, công ty điện lực cấp tỉnh có trách nhiệm hoàn thành phương án cung cấp điện cho tuần W+2 và cập nhật, điều chỉnh phương án cung cấp điện tuần W+1 nếu cần thiết, báo cáo Sở Công Thương tại địa phương để theo dõi và giám sát thực hiện.

3. Trước 16h00 ngày thứ Sáu tuần W, căn cứ phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia tuần được duyệt, Tổng công ty điện lực thành phố Hà Nội, Tổng công ty điện lực thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm hoàn thành phương án cung cấp điện cho tuần W+2 và cập nhật, điều chỉnh phương án cung cấp điện tuần W+1 nếu cần thiết, báo cáo Sở Công Thương tại địa phương để theo dõi và giám sát thực hiện.

4. Phương án cung cấp điện tuần tại địa phương được duyệt theo nguyên tắc quy định tại Điều 6 Phụ lục này và căn cứ trên phương án cung cấp điện tháng tại địa phương đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, có xét đến những thay đổi về nhu cầu phụ tải điện tại địa phương trong các tuần trước đó.

5. Phương án cung cấp điện tuần tại địa phương bao gồm các nội dung sau:

a) Sản lượng điện được phân bổ cho tuần W+1 và tuần W+2;

b) Kế hoạch cung cấp điện hàng ngày trên địa bàn tỉnh, thành phố bao gồm:

- Sản lượng điện phân bổ cho các khách hàng sử dụng điện lớn và các khách hàng còn lại;

- Danh mục khách hàng sử dụng điện lớn bị tiết giảm điện;

- Sản lượng điện bị tiết giảm hàng ngày đối với các khách hàng sử dụng điện lớn, các khách hàng còn lại, đơn vị phân phối và đơn vị bán lẻ điện;
- Các khu vực bị tiết giảm điện;
- Thời gian dự kiến tiết giảm điện.

Điều 12. Phương án phân bổ công suất của hệ thống điện quốc gia

1. Trường hợp hệ thống điện quốc gia có nguy cơ thiếu công suất theo kết quả đánh giá khả năng bảo đảm cung cấp điện ngắn hạn:

a) Đơn vị Điều độ hệ thống điện quốc gia có trách nhiệm xác định công suất khả dụng của hệ thống điện quốc gia từng ngày trong 02 tuần tới, mức thiếu hụt công suất hàng ngày và khoảng thời gian thiếu hụt công suất; công bố trên trang thông tin điện tử hệ thống điện tình trạng thiếu công suất;

b) Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với Đơn vị Điều độ hệ thống điện quốc gia tính toán phương án phân bổ công suất cho các tổng công ty điện lực theo phương pháp quy định tại Điều 4 Phụ lục này, công bố phương án phân bổ công suất cho các tổng công ty điện lực, đồng thời báo cáo Bộ Công Thương để theo dõi và giám sát thực hiện.

2. Phương án phân bổ công suất cho các tổng công ty điện lực bao gồm các nội dung sau:

- a) Khoảng thời gian hệ thống điện quốc gia thiếu công suất;
- b) Công suất khả dụng của hệ thống điện quốc gia từng ngày trong tuần;
- c) Công suất phân bổ cho các tổng công ty điện lực;
- d) Ước tính lượng công suất sẽ tiết giảm hàng ngày toàn hệ thống.

Điều 13. Lập và thực hiện phương án tiết giảm công suất tại địa phương

1. Trường hợp hệ thống điện quốc gia thiếu công suất, trước 9h00 ngày thứ Sáu tuần W, căn cứ trên phương án phân bổ công suất do Tập đoàn Điện lực Việt Nam công bố, các Tổng công ty điện lực Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam có trách nhiệm hoàn thành việc thực hiện phân bổ công suất cho tuần W+2 và cập nhật, điều chỉnh mức công suất phân bổ tuần W+1 cho các công ty điện lực cấp tỉnh trực thuộc theo phương pháp quy định tại Điều 5 Phụ lục này.

2. Trước 16h00 ngày thứ Sáu tuần W, Tổng công ty điện lực thành phố Hà Nội, Tổng công ty điện lực thành phố Hồ Chí Minh và các công ty điện lực cấp tỉnh có trách nhiệm hoàn thành phương án tiết giảm công suất tại địa phương cho tuần W+2 và cập nhật, điều chỉnh phương án tiết giảm công suất tuần W+1 theo nguyên tắc quy định tại Điều 6 Phụ lục này và báo cáo Sở Công Thương tại địa phương để theo dõi và giám sát thực hiện.

3. Trường hợp công suất thực tế vận hành theo giờ của các tổng công ty điện lực và các công ty điện lực cấp tỉnh lớn hơn công suất phân bổ theo phương án phân bổ công suất thì Đơn vị Điều độ hệ thống điện quốc gia và các đơn vị điều độ hệ thống điện miền được phép thực hiện các biện pháp cắt tải khẩn cấp để bảo đảm cung cấp điện.

Điều 14. Phân bổ công suất và tiết giảm điện khi xảy ra thiếu công suất cục bộ

1. Trường hợp có nguy cơ xảy ra nghẽn mạch trên lưới điện truyền tải dẫn đến thiếu công suất cục bộ hoặc không đảm bảo tiêu chuẩn vận hành hệ thống điện, Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia có trách nhiệm xác định và thông báo cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam:

a) Các khu vực thiếu công suất cục bộ và các khu vực có nguy cơ không đảm bảo tiêu chuẩn vận hành hệ thống điện, khoảng thời gian xảy ra thiếu công suất cục bộ;

b) Công suất cực đại có thể cung cấp cho khu vực thiếu công suất và ước tính lượng công suất thiếu hụt;

2. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia tính toán và công bố phương án phân bổ công suất tại khu vực thiếu công suất cục bộ cho các tổng công ty điện lực chịu ảnh hưởng, đồng thời báo cáo Bộ Công Thương để theo dõi, giám sát thực hiện.

3. Trước 9h00 ngày thứ Sáu tuần W, các tổng công ty điện lực miền trong khu vực thiếu công suất cục bộ có trách nhiệm hoàn thành việc thực hiện phân bổ công suất cho tuần W+2 và cập nhật, điều chỉnh mức công suất phân bổ tuần W+1 cho các công ty điện lực cấp tỉnh trực thuộc chịu ảnh hưởng căn cứ phương án phân bổ công suất tại khu vực thiếu công suất cục bộ được công bố, đồng thời báo cáo Tập đoàn Điện lực Việt Nam để theo dõi và giám sát thực hiện.

4. Trước 16h00 ngày thứ Sáu tuần W, Tổng công ty điện lực thành phố Hà Nội, Tổng công ty điện lực thành phố Hồ Chí Minh và các công ty điện lực cấp tỉnh trong khu vực thiếu công suất cục bộ có trách nhiệm hoàn thành phương án tiết giảm công suất tại địa phương cho tuần W+2 và cập nhật, điều chỉnh phương án tiết giảm công suất tuần W+1 theo nguyên tắc quy định tại Điều 6 Phụ lục này và báo cáo Sở Công Thương tại địa phương để theo dõi và giám sát thực hiện.

5. Trong quá trình điều độ vận hành hệ thống điện, Đơn vị Điều độ hệ thống điện quốc gia và các đơn vị điều độ hệ thống điện miền được phép thực hiện các biện pháp sa thải phụ tải khẩn cấp để bảo đảm cung cấp điện trong các trường hợp sau đây:

a) Trong trường hợp khẩn cấp khi xảy ra nghẽn mạch trên lưới điện truyền tải

dẫn đến nguy cơ thiếu công suất cục bộ hoặc không đảm bảo tiêu chuẩn vận hành hệ thống điện;

b) Công suất thực tế vận hành theo giờ của các tổng công ty điện lực và các công ty điện lực cấp tỉnh lớn hơn công suất được phân bổ theo kế hoạch.

Phụ lục II

BIỂU MẪU BÁO CÁO TỔNG HỢP THỰC HIỆN NGỪNG, GIẢM MỨC CUNG CẤP ĐIỆN HÀNG THÁNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Số thứ tự	Các trường hợp ngừng, giảm mức cung cấp điện	Tổng số lần bị ngừng, giảm mức cung cấp điện (Lần)	Tổng điện năng bị ngừng, giảm mức cung cấp điện (Triệu kWh)	Tổng công suất bị ngừng, giảm mức cung cấp điện (MW)	Tổng thời gian bị ngừng, giảm mức cung cấp điện (Giờ)	Tổng số lượng khách hàng bị ảnh hưởng	Ghi chú
1	Khi có nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng hoặc nhu cầu khác theo kế hoạch						
2	Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, sự cố mà bên bán điện không kiểm soát được có nguy cơ làm mất an toàn nghiêm trọng cho người, trang thiết bị hoặc do thiếu nguồn điện đe dọa đến an toàn của hệ thống điện						
3	Vi phạm quy định của pháp luật						

Lưu ý: Thời gian chốt số liệu báo cáo tổng hợp thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện hàng tháng tính từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng trước kỳ báo cáo.

Phụ lục III

BIỂU MẪU BÁO CÁO CHI TIẾT THỰC HIỆN NGỪNG, GIẢM MỨC CUNG CẤP ĐIỆN HÀNG THÁNG*(Ban hành kèm theo Thông tư số 4/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

Số thứ tự	Tên đường dây/Trạm biến áp bị ngừng, giảm mức cung cấp điện	Phạm vi/Địa điểm	Nguyên nhân	Thời gian bắt đầu ngừng, giảm mức cung cấp điện		Thời gian cấp điện trở lại		Tổng thời gian bị ngừng, giảm mức cung cấp điện	Số lượng khách hàng bị ảnh hưởng	Ghi chú
				Ngày	Giờ	Ngày	Giờ			
I	<i>Ngừng, giảm mức cung cấp điện khi có nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng hoặc nhu cầu khác theo kế hoạch</i>									
1										
2										
3										
...										
II	<i>Ngừng, giảm mức cung cấp điện khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, sự cố mà bên bán điện không kiểm soát được có nguy cơ làm mất an toàn nghiêm trọng cho người, trang thiết bị hoặc do thiếu nguồn điện đe dọa đến an toàn của hệ thống điện</i>									
1										
2										
3										
...										
III	<i>Ngừng cung cấp điện do vi phạm quy định của pháp luật</i>									
1	Khách hàng A								<i>Nếu có</i>	
2										
3										
...										

Lưu ý: Thời gian chốt số liệu báo cáo chi tiết thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện hàng tháng tính từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng trước kỳ báo cáo.

2. Biểu mẫu báo cáo tháng về phân bổ điện và thực hiện tiết giảm điện của Công ty điện lực

(Đơn vị: A - Triệu kWh/ Pmax - MW)

Ngày	Phân bổ		Thực hiện		Ngừng, giảm cung cấp điện						Ước sản lượng điện (A) không cung cấp được
					Do sửa chữa		Do sự cố hoặc sa thải phụ tải		Do tiết giảm điện		
	A (1*)	Pmax (2*)	A (1*)	Pmax (2*)	Pmax	Thời gian cắt	Pmax	Thời gian cắt	Pmax	Thời gian cắt	
Tuần 1 (Từ ngày...đến...)											
Tuần 2 (Từ ngày...đến...)											
Tuần 3 (Từ ngày...đến...)											
Tuần 4 (Từ ngày...đến...)											

Ghi chú:

- (1*) : Sản lượng điện trung bình ngày.
- (2*) : Công suất cực đại ngày trong tuần.

2. Biểu mẫu báo cáo tháng về tình hình cung cấp điện và tiết giảm điện

a) Biểu mẫu báo cáo tháng về phân bổ điện và thực hiện cung cấp điện của Tổng công ty điện lực

(Đơn vị: A - Triệu kWh/ Pmax - MW)

Ngày	Phân bổ		Thực hiện		Ngừng, giảm cung cấp điện						Ước sản lượng điện (A) không cung cấp được
					Do sửa chữa		Do sự cố hoặc sa thải phụ tải		Do tiết giảm điện		
	A (1*)	Pmax (2*)	A (1*)	Pmax (2*)	Pmax	Thời gian cắt	Pmax	Thời gian cắt	Pmax	Thời gian cắt	
Tuần 1 (Từ ngày...đến...)											
Tuần 2 (Từ ngày...đến...)											
Tuần 3 (Từ ngày...đến...)											
Tuần 4 (Từ ngày...đến...)											
Tổng tháng	-----		-----								-----

Ghi chú:

- (1*) : Sản lượng điện trung bình ngày.
- (2*) : Công suất cực đại ngày trong tuần.

b) Biểu mẫu báo cáo tháng về phân bổ sản lượng điện cho các Công ty điện lực và thực hiện cung cấp điện
(Đơn vị: Triệu kWh)

	Tuần 1 (Từ ngày...đến...)		Tuần 2 (Từ ngày...đến...)		Tuần 3 (Từ ngày...đến...)		Tuần 4 (Từ ngày...đến...)	
	Phân bổ (1*)	Thực hiện (2*)	Phân bổ (1*)	Thực hiện (2*)	Phân bổ (1*)	Thực hiện (2*)	Phân bổ (1*)	Thực hiện (2*)
Công ty điện lực A								
Công ty điện lực B								
Công ty điện lực C								
...								
...								

Ghi chú:

- (1*) : Sản lượng điện trung bình ngày.
- (2*) : Sản lượng điện trung bình ngày.

c) Biểu mẫu báo cáo tháng về phân bổ công suất (Pmax) cho các Công ty điện lực và thực hiện cung cấp điện

(Đơn vị: MW)

	Tuần 1 (Từ ngày...đến...)		Tuần 2 (Từ ngày...đến...)		Tuần 3 (Từ ngày...đến...)		Tuần 4 (Từ ngày...đến...)	
	Phân bổ (1*)	Thực hiện (2*)	Phân bổ (1*)	Thực hiện (2*)	Phân bổ (1*)	Thực hiện (2*)	Phân bổ (1*)	Thực hiện (2*)
Công ty điện lực A								
Công ty điện lực B								
Công ty điện lực C								
...								
...								

Ghi chú:

- (1*) : Công suất cực đại ngày.
- (2*) : Công suất cực đại ngày trong tuần.

2. Biểu mẫu báo cáo tháng về tình hình cung cấp điện và tiết giảm điện

a) Biểu mẫu báo cáo tháng về phân bổ sản lượng điện và thực hiện cung cấp điện

(Đơn vị: Triệu kWh)

	Tuần 1 (Từ ngày...đến...)		Tuần 2 (Từ ngày...đến...)		Tuần 3 (Từ ngày...đến...)		Tuần 4 (Từ ngày...đến...)		Ước sản lượng điện không cung cấp được (3*)
	Phân bổ (1*)	Thực hiện (2*)	Phân bổ (1*)	Thực hiện (2*)	Phân bổ (1*)	Thực hiện (2*)	Phân bổ (1*)	Thực hiện (2*)	
Tổng CTĐL Miền Bắc									
Tổng CTĐL Miền Trung									
Tổng CTĐL Miền Nam									
Tổng CTĐL Tp. Hà Nội									
Tổng CTĐL Tp. HCM									
Toàn Hệ thống điện									

Ghi chú:

- (1*) : Sản lượng điện trung bình ngày.
- (2*) : Sản lượng điện trung bình ngày
- (3*) : Tổng sản lượng điện ước tính không cung cấp được.

b) Biểu mẫu báo cáo tháng về phân bổ công suất và thực hiện cung cấp điện

(Đơn vị: MW)

	Tuần 1 (Từ ngày...đến...)		Tuần 2 (Từ ngày...đến...)		Tuần 3 (Từ ngày...đến...)		Tuần 4 (Từ ngày...đến...)		Ước công suất bị cắt giảm (3*)
	Phân bổ (1*)	Thực hiện (2*)	Phân bổ (1*)	Thực hiện (2*)	Phân bổ (1*)	Thực hiện (2*)	Phân bổ (1*)	Thực hiện (2*)	
Tổng CTĐL Miền Bắc									
Tổng CTĐL Miền Trung									
Tổng CTĐL Miền Nam									
Tổng CTĐL Tp. Hà Nội									
Tổng CTĐL Tp. HCM									
Toàn Hệ thống điện									

Ghi chú:

- (1*) : Công suất cực đại ngày.
- (2*) : Công suất cực đại ngày trong tuần.
- (3*) : Ước công suất bị cắt giảm lớn nhất trong tháng.